

Bản án số: 405/2023/DS-PT
Ngày: 08-11-2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

- Bà Võ Thị Hồng Mai;
- Ông Nguyễn Văn Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 24-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lâm Văn M, sinh năm 1949; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Minh T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1974. Cùng nơi cư trú: Tổ A, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Tổ A, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà V là bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh, (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/6/2023) có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Văn M trình bày:

Do lớn tuổi không còn sức lao động và có một ít vốn, nên ông hay cho vay đáo hạn ngân hàng, để kiếm tiền lãi. Thông qua anh Đặng Hoàng A giới thiệu thì vợ chồng ông T, bà V trực tiếp gọi điện thoại cho ông xin vay số tiền là 310.000.000 đồng, để trả đáo hạn ngân hàng thì ông đồng ý và nói là phải có hai vợ chồng thì ông mới cho vay. Sau đó ông và vợ chồng ông T, bà V hẹn ngày 21/11/2022 gặp giao tiền tại nhà xe của Ngân hàng N, chi nhánh B.

Ngày 21/11/2022 ông trực tiếp gặp ông T và bà V tại nhà xe của Ngân hàng N, chi nhánh B; ông T và bà V mới giao hợp đồng vay vốn của ông bà với Ngân hàng cho ông xem, sau khi xem xong thì ông có trực tiếp gọi điện thoại cho anh D1 (họ tên đầy đủ không biết) là cán bộ tín dụng của Ngân hàng N, chi nhánh B, anh D1 phụ trách địa bàn ở xã L (nơi ông T, bà V cư trú); ông hỏi anh D1 là hồ sơ của ông T, bà V có vay lại được không và Ngân hàng có cho vay lên không thì anh D1 nói là hồ sơ này cho vay lại được, có thể cho vay lên 490.000.000 đồng và anh D1 có nói thêm là do giấy đất của ông T, bà V còn ghi sổ chứng minh nhân dân cũ của ông bà nên cần phải làm thủ tục chỉnh lý lại thông tin của chủ sở hữu trong giấy đất và trích lục bản đồ nên việc cho vay lại có thể hơi lâu; Sau khi nghe anh D1 nói vậy thì ông nghĩ hồ sơ của ông T, bà V có thể vay lại được nên ông đồng ý cho ông T, bà V vay số tiền là 310.000.000 đồng. Hai bên có làm Giấy mượn tiền, nội dung giấy mượn tiền do ông ghi, ông T và bà V ký ghi rõ tên, có ghi rõ trong giấy nợ là thời hạn trả tiền là 20 ngày. Hai bên thỏa thuận miệng về vấn đề trả lãi là trả 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Nhưng sau đó hết thời hạn 20 ngày mà vợ chồng ông T không trả nợ nên ông có gọi điện thoại cho ông T thì ông T cứ nói là đang chỉnh giấy đất chưa vay lại được, rồi ông T không nghe điện thoại của ông nữa. Ông mới liên hệ với anh D1 là cán bộ tín dụng của Ngân hàng, thì anh nói là từ đó cho đến nay không thấy vợ chồng ông T làm thủ tục vay vốn lại. Do đó ông mới đi khởi kiện tại Tòa án.

Việc ông T, bà V cho rằng số tiền này là do anh Đặng Hoàng A vay của ông, ông bà chỉ ký thay là hoàn toàn không đúng. Giữa ông và anh Đặng Hoàng

A không có thỏa thuận vay mượn tiền gì cả, việc vay mượn tiền này do ông trực tiếp thỏa thuận và giao tiền cho ông T, bà V.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T và bà V có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc là 310.000.000 đồng và tiền lãi là 0.83 %/tháng tính từ ngày 21/11/2022 cho đến ngày xét xử 24/8/2023 là 09 tháng 03 ngày, ông lấy tròn là 09 tháng.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Hồng V và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông T, bà V là bà Lê Thị Kiều D thống nhất trình bày:

Ông T, bà V không có quan hệ gì với ông M mà ông bà biết ông M thông qua anh Đặng Hoàng A giới thiệu.

Trước đó giữa ông T và bà V có thỏa thuận mua bán đất với anh Đặng Hoàng A nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông hiện đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện B nên ông bà và anh Hoàng A mới hẹn ngày 21/11/2022 cùng đến Ngân hàng, Hoàng A đưa tiền cọc để trả tiền vay và lấy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông T, bà V về làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đặng Hoàng A. Lúc đến Ngân hàng thì ông T, bà V mới gặp ông M, do anh Hoàng A tự liên hệ xuống.

Theo thỏa thuận thì anh Hoàng A phải đặt cọc cho vợ chồng ông T là 500.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng anh Hoàng A chỉ có 200.000.000 đồng, không đủ tiền nên mới mượn tiền của ông M là 310.000.000 đồng để đặt cọc cho ông T, bà V. Khi đó ông M đưa số tiền 310.000.000 đồng tại quầy giao dịch của Ngân hàng để trả nợ cho ông T, bà V, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra; ông M thấy giấy đất đứng tên vợ chồng ông T nên nói vợ chồng ông T, bà V ký giấy mượn tiền. Lúc này anh Hoàng A nói cứ ký đi, anh sẽ chịu trách nhiệm trả, nên ông T và bà V mới đồng ý ký giấy nợ với ông M (đây là ký thay cho Hoàng A), đúng là giấy mượn tiền mà ông M nộp cho Tòa án. Sau đó phía anh Hoàng A đã ký 1 giấy nợ khác cho ông T (cũng ghi mượn số tiền 310.000.000 đồng), mục đích để đảm bảo anh Hoàng A có trách nhiệm trả nợ cho ông M.

Nhưng anh Hoàng A không trả tiền cho ông M, dẫn đến việc ông M khởi kiện phía ông T. Do đó phía ông T cũng đã có đơn khởi kiện yêu cầu anh Hoàng A trả cho ông số tiền 310.000.000 đồng (theo giấy mượn tiền mà anh Hoàng A ký với ông), để lấy tiền trả lại cho ông M, tuy anh Hoàng A đồng ý trả cho ông T số tiền này nhưng anh Hoàng A không có tài sản, khả năng thi hành rất khó. Do vậy ông T, bà V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M vì số tiền này do anh Hoàng A mượn của ông M nên Hoàng A có nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:28/2023/DS-ST ngày 24-8-2023, của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh. Quyết định.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn M đối với ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Văn M số tiền là 333.157.000 (ba trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn) đồng (trong đó tiền gốc là 310.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 24/8/2023 là 23.157.000 đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06-9-2023, ông Lê Minh T, và bà Nguyễn Thị Hồng V có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do ông không vay tiền của ông M.

Tại phiên phúc thẩm:

Đại diện ông T bà V trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ông ông M trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông thanh bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà V. Nhưng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 24-8-2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 06-9-2023, bị đơn ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị Hồng V có đơn kháng cáo. Kháng cáo của ông T, bà V còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V thì thấy rằng:

[2.1] Ông T, bà V thừa nhận chữ ký tên T và V trong Giấy mượn tiền ngày 21/11/2022, số tiền 310.000.000 đồng đúng là chữ ký của ông T bà V ký tại quầy giao dịch của Ngân hàng N, chi nhánh B để ông T, bà V trả tiền vay Ngân hàng và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 27, 46).

[2.2] Tuy nhiên ông T, bà V cho rằng số tiền 310.000.000 đồng là do ông Đặng Hoàng A vay của ông M, ông bà chỉ ký giấy nợ thay cho ông Hoàng A; để đảm bảo cho việc ông Hoàng A phải trả tiền cho ông M thì sau đó ông T cũng yêu cầu ông Hoàng A phải làm giấy nợ cho ông số tiền 310.000.000 đồng (giấy nợ cũng ghi ngày 21/11/2022) (bút lục 23). Ông M không thừa nhận. Ông T, bà V không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình.

[2.3] Mặt khác, ngày 30/3/2023 Tòa án nhân dân huyện BC đã thụ lý vụ án dân sự số 34/2023/TLST-DS về việc ông Lê Minh T khởi kiện yêu cầu ông Đặng Hoàng A trả cho ông số tiền vay là 310.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 21/11/2022 (bút lục 31, 32). Tại biên bản lấy lời khai ông Đặng Hoàng A ngày 24/4/2023 thì ông Hoàng A xác nhận ông có giới thiệu ông T mượn tiền của ông M số tiền 310.000.000 đồng và ông làm giấy nợ có mượn tiền của ông T số tiền nêu trên để gộp lại đặt cọc cho ông T là 500.000.000 đồng để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn 10.000.000 đồng là phụ trả tiền lãi Ngân hàng, giữa ông T và ông M cho mượn tiền với nhau như thế nào ông không rõ, ông không có nhận tiền từ ông M, nay ông đồng ý trả cho ông T số tiền là 310.000.000 đồng (bút lục 34,35). Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/ DS-ST ngày 22-8-2023, của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh, tuyên xử buộc ông Đặng Hoàng A có nghĩa vụ trả cho ông Lê Minh T số tiền 333.157.000 đồng trong đó nợ gốc 310.000.000 đồng; nợ lãi 23.157.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lê Minh T, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn M số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng có căn cứ. Về tiền lãi cấp sơ thẩm tính từ ngày 21/12/2022 đến ngày 24/8/2023 là 8 tháng 03 ngày nhưng cấp sơ thẩm tính 9 tháng nên cần tính lại tiền lãi 310.000.000 đồng x 0,83%/ tháng = 20.841.300 đồng. Ông T, bà V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, bà V. Chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 24-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh về tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 16.542.065 đồng (mười sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông T bà V kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí phúc thẩm dân sự. Hoàn trả lại cho ông T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 24-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn M đối với ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Văn M số tiền là 330.841.300 đồng (ba trăm ba mươi triệu tám trăm bốn mươi một nghìn ba trăm đồng (trong đó tiền gốc là 310.000.000 đồng, tiền lãi là 20.841.300 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lâm Văn M, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lê Minh T và bà Nguyễn

Thị Hồng V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

4.1 Án phí sơ thẩm: Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 16.542.065 đồng (mười sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Án phí phúc thẩm: Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V không phải chịu tiền án phí phúc thẩm dân sự, hoàn trả cho ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0023168 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC, tỉnh Tây Ninh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện BC;
- VKSND huyện BC;
- CC THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng Vân